

Số: 65/2024/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh một số nội dung quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020-2024 (gồm đất ở tại một số huyện, thành phố và một số loại đất khác) để áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH1, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 /6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật

Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 998/TT-STNMT ngày 26 tháng 12 năm 2024, Hội đồng thẩm định bảng giá đất của tỉnh tại Thông báo số 05/TB-HĐTĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 700/BC-STP ngày 26 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020-2024 (*gồm đất ở tại một số huyện, thành phố và một số loại đất khác*) để áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 cụ thể như sau:

1. Giá đất nông nghiệp

a) Điều chỉnh tăng giá đất trồng lúa nước, đất trồng lúa nước còn lại, đất trồng cây hàng năm khác tại một số xã, phường, thị trấn thuộc Bảng 01 Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh (*phụ lục I, Bảng 01 kèm theo*).

b) Điều chỉnh tăng giá đất trồng cây lâu năm tại một số xã, phường, thị trấn thuộc Bảng 02 Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh (*phụ lục I, Bảng 02 kèm theo*).

c) Điều chỉnh tăng giá đất nuôi trồng thủy sản tại một số xã, phường, thị trấn thuộc Bảng 03 Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh (*phụ lục I, Bảng 03 kèm theo*).

d) Điều chỉnh bảng giá đất rừng tại một số xã, phường, thị trấn thuộc Bảng 04 Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh (*phụ lục I, Bảng 04 kèm theo*).

(Có Phụ lục I, Bảng 01 đến Bảng 04 kèm theo)

đ) Bỏ Phụ biểu 01, Phụ biểu 02, Phụ biểu 03 ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh.

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh quy định bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020-2024 như sau:

“2. Giá đất nông nghiệp trong khu dân cư, trong địa giới hành chính phường thì được tính bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng quy định tại Bảng 01, Bảng 02, Bảng 03, Bảng 04 thuộc Phụ lục I kèm theo quy định này”.

3. Điều chỉnh, bổ sung giá đất ở

a) Điều chỉnh, bổ sung giá đất một số vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.3-huyện Thuận Châu ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh (*có Phụ lục II, Biểu 01, Biểu 02 kèm theo*). ut

b) Bổ sung giá đất một số vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.7 - Huyện Mai Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh (có Phụ lục III kèm theo).

c) Điều chỉnh, bổ sung giá đất, điều chỉnh tên tuyến đường một số vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.8 - Huyện Yên Châu ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh (có Phụ lục IV, Biểu 01, Biểu 02, Biểu 03 kèm theo).

d) Điều chỉnh giá đất một số vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.10 - Huyện Vân Hồ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh (có Phụ lục V kèm theo).

đ) Điều chỉnh, bổ sung giá đất một số vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.11 - Huyện Bắc Yên ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh (có Phụ lục VI, Biểu 01, Biểu 02, Biểu 03 kèm theo).

e) Điều chỉnh giá đất một số vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.12 - Huyện Phù Yên ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 27/4/2021; Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh (có Phụ lục VI kèm theo).

g) Điều chỉnh giá đất một số vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.1 Thành phố Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh (có Phụ lục VIII, Biểu 01 kèm theo).

h) Bổ sung giá đất một số vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.9 huyện Mộc Châu ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh (có Phụ lục IX kèm theo).

4. Sửa đổi Bảng 6 quy định bảng giá đất thương mại dịch vụ tại đô thị và tại nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh (có Phụ lục X kèm theo).

5. Sửa đổi Bảng 7 quy định bảng giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị và tại nông thôn; đất khu công nghiệp và đất cụm công nghiệp) ban hành Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh (có Phụ lục XI kèm theo).

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình trình phê duyệt điều chỉnh Bảng giá đất tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước. Đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, quyết định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. *ut*

2. Các nội dung khác không điều chỉnh thì tiếp tục áp dụng quyết định Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 14/7/2020, Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 14/01/2022, Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 20/11/2022, Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 và Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *wt*

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế Bộ TN&MT;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp; *(báo cáo)*
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, KT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Thiện 100 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu